

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-4-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Dũ.

- Ông Nguyễn Chí Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước.

Hôm nay, ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “ Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Ngọc D, sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn P, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-12-2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc D trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn P chung sống với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 31-5-2013. Thời gian đầu chị và anh P chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị nhận tin bạn bè bình

thường trên facebook nhưng anh P ghen tuông rồi đánh đập chị nhiều lần, anh P nhiều lần chửi mắng và sỉ nhục chị, chị và anh P đã nhiều lần hoà giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Chị và anh P đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Nay chị xin ly hôn với anh P.

Con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Huỳnh Văn P trình bày:

Anh và chị D kết hôn vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn vào ngày 31-5-2013 tại Ủy ban nhân xã P, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị D có quan hệ tình cảm với người khác, anh nhìn thấy chị D thường xuyên nhắn tin bạn bè trên mạng xã hội nhiều lần nên anh và chị D có xảy ra cự cãi, anh có đánh chị D 1, 2 lần. Anh và chị D sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị D vì anh muốn hàn gắn đoàn tụ lại.

Về con chung, nợ chung: không có.

Tài sản chung: Anh và chị D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D vẫn yêu cầu được xin ly hôn với anh P. Anh P cũng đồng ý ly hôn với chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị D và anh P chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Long An, anh P có hộ khẩu thường trú tại ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên chị D khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ tranh chấp “ Xin ly hôn”.

[2] Xét tình cảm vợ chồng: Trong quá trình chung sống anh chị thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn, anh Phúc thừa nhận xuất phát từ việc chị D nhắn tin với bạn bè nhưng không cho anh xem tin nhắn, bản thân anh có ghen tuông cự cãi với chị D và anh có đánh chị D 1, 2 lần. Chị D và anh P đã sống ly thân từ tháng 2/2019 đến nay. Tại phiên tòa, chị D yêu cầu ly hôn với anh P; anh P đồng ý ly hôn với chị D. Xét chị D và anh P tự nguyện ly hôn là phù hợp quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D với anh P.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh P thống nhất là anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc D.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Ngọc D với anh Huỳnh Văn P.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20835 ngày 06-01-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị D đã thi hành xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị D, anh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Toàn